

HỒ SƠ YÊU CẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN

Gói thầu: Đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh

Dự án: Đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh

Chủ đầu tư: Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh

Tây Ninh, ngày tháng năm 2020

Đại diện hợp pháp của bên mời thầu

MỤC LỤC

Phần thứ nhất.....	3
Chỉ dẫn đối với nhà thầu.....	3
CHƯƠNG I. YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU	3
CHƯƠNG II. TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT .	8
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU	11
Mẫu số 1. Đơn đề xuất chỉ định thầu	12
Mẫu số 2. Giấy ủy quyền	14
Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh	15
Mẫu số 4. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu.....	18
Mẫu số 5. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu.....	19
Mẫu số 6. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn.....	20
Mẫu số 7. Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện dịch vụ tư vấn.....	21
Mẫu số 8. Lý lịch chuyên gia tư vấn	22
Mẫu số 9. Tiến độ thực hiện công việc	24
Mẫu số 10. Tổng hợp chi phí	25
Mẫu số 11A. Thù lao cho chuyên gia.....	26
Mẫu số 11B. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia.....	27
Mẫu số 12. Chi phí khác cho chuyên gia	28
Phần thứ hai. Điều khoản tham chiếu	29
Phần thứ ba. Yêu cầu về hợp đồng	35
CHƯƠNG IV. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	35
CHƯƠNG V. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	42
CHƯƠNG VI. MẪU HỢP ĐỒNG	44
Mẫu số 13. Hợp đồng dịch vụ tư vấn (áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói).....	44

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

DVTV	Dịch vụ tư vấn
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSDX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VND	Đông Việt Nam

Phần thứ nhất
CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU
Chương I
YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Mục 1. Nội dung gói thầu

1. Bên mời thầu Sở Công Thương mời nhà thầu chuẩn bị HSDX cho gói thầu Đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh thuộc dự án Đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng là: năm 2020.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Ngân sách sự nghiệp môi trường.

Mục 2. HSYC và giải thích, làm rõ, sửa đổi HSYC

1. HSYC bao gồm các nội dung được liệt kê tại Mục lục của HSYC này.

2. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

3. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 3. Chuẩn bị HSDX

1. Ngôn ngữ sử dụng

Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

2. HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau:

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

a. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

b. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;

c. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

d. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định của HSYC này;

e. Đề xuất về giá theo Mẫu số 10 Chương III – Biểu mẫu.

Mục 4. Đơn đề xuất chỉ định thầu

Đơn đề xuất chỉ định thầu do nhà thầu chuẩn bị và được ghi đầy đủ theo Mẫu số 1 Chương III, phải được ký tên, đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu (người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III).

Trường hợp ủy quyền, để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, nhà thầu cần gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền, cụ thể như sau: _____ [*Ghi cụ thể văn bản pháp lý mà nhà thầu phải gửi để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực...*].

Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì từng thành viên liên danh gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền như đối với nhà thầu độc lập.

Mục 5. Tư cách hợp lệ và tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu

1. Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;

b) Hạch toán tài chính độc lập;

c) Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

d) Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: _____ [Trong thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa ban hành văn bản hướng dẫn thì ghi "không áp dụng". Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết thì ghi "có áp dụng"].

đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

e) Trường hợp chỉ định thầu quốc tế, nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu trong nước hoặc sử dụng nhà thầu phụ trong nước, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Trường hợp sử dụng thầu phụ, trong HSDX nhà thầu có thể đề xuất các phần công việc dự kiến sẽ dành cho nhà thầu phụ Việt Nam mà chưa cần kê khai cụ thể tên nhà thầu phụ; nhà thầu phải nộp bản cam kết kèm theo HSDX sẽ sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện phần công việc đã đề xuất trong HSDX.

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: _____ [Nêu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được chứng thực, ...].

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại Điểm a Khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 3 Chương III.

3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 4, Mẫu số 7 và Mẫu số 8 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSYC cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh.

Mục 6. Giá đề xuất chỉ định thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Phần thứ hai và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc theo Mẫu số 10, 11a, 11b, 12 Chương III - Biểu mẫu.

Mục 7. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 45 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 8. Quy cách của HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và ba bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 9. Thời hạn nộp HSDX

HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm 2020.

Mục 10. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

2. Trong quá trình đánh giá HSDX, bên mời thầu được mời nhà thầu đến giải thích, làm rõ, sửa đổi, bổ sung các thông tin cần thiết của HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu nhằm chứng minh sự đáp ứng của nhà thầu theo yêu cầu của HSYC về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, chất lượng, biện pháp cung cấp hàng hóa.

Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 11. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá đề nghị chỉ định thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 12. Thông báo kết quả chỉ định thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, bên mời thầu gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu được chỉ định thầu.

Mục 13. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy

định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ không tiến hành ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và mời nhà thầu khác đến nhận HSYC.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

4. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được chỉ định thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với nội dung và yêu cầu như quy định tại ĐKCT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại HSYC này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 14. Kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: số 304 đường CMT8, phường 2 thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, điện thoại 0276.3814885.

Mục 15. Xử lý vi phạm trong đấu thầu

Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDX VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Tính hợp lệ của HSDX

1. HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo quy định tại Mục 4 Chương I. Giá đề xuất chỉ định thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá ghi trong bảng tổng hợp chi phí tại Mẫu số 10 Chương III, không đề xuất các giá đề xuất chỉ định thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất chỉ định thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn đề xuất chỉ định thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 7 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có);
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 Chương I;
- e) Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá HSDX

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Các tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên của nhà thầu liên danh) được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải “đạt” tất cả các nội dung nêu trong bảng dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung sau:

STT	Nội dung	Mức yêu cầu để được đánh giá đạt
1	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu

2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn) với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ: 03 hợp đồng.
3	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.

Ghi chú:

1. Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

2. Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;

- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét. Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng sản xuất hàng hóa tương tự về chủng loại và tính chất với hàng hóa của gói thầu.

- Tương tự về phạm vi địa lý: có hợp đồng được thực hiện trên địa bàn tương ứng với gói thầu đang xét.

Trường hợp trong HSYC quy định nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

2.2 . Tiêu chuẩn đánh giá nhân sự chủ chốt

Tuỳ theo quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định nhà thầu phải đề xuất các nhân sự chủ chốt thực hiện các công việc của gói thầu như: lắp đặt; hướng dẫn chạy thử, vận hành; đào tạo, chuyển giao công nghệ... Trường hợp HSDX có yêu cầu về nhân sự chủ chốt, trong HSDX nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau

đây:

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Trình độ chuyên môn
1	Tư vấn trưởng, chủ nhiệm dự án quản lý tại hiện trường và quản lý chung: 01 người	Tối thiểu 05 năm	Tối thiểu 05 năm	Trên đại học
2	Quản lý kỹ thuật, tổ trưởng thực hiện dự án: 02 người	Tối thiểu 05 năm	Tối thiểu 05 năm	Đại học
3	Cán bộ quản lý, hành chính kế toán, thống kê 01 người	Tối thiểu 03 năm	Tối thiểu 03 năm	Đại học
4	Cán bộ trực tiếp thực hiện các bước, hạng mục dự án 10 người (bao gồm tổ trưởng)	Tối thiểu 02 năm	Tối thiểu 02 năm	Trung cấp

Nhà thầu phải cung cấp bản đề xuất nhân sự chủ chốt theo Mẫu số 09 Chương III – Biểu mẫu.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Các tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chí “đạt”/“không đạt”, bao gồm các nội dung cơ bản dưới đây:

- Mục đích, nội dung, nhiệm vụ, gói thầu thực hiện.
- Cách tiếp cận và phương pháp luận, các bước nhiệm vụ, phương pháp thực hiện gói thầu.
- Kế hoạch triển khai: kế hoạch các bước nhiệm vụ công việc để thực hiện dự án. Các bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo.
- Kế hoạch, nội dung thực hiện đảm bảo chất lượng cho từng loại công tác từng hạng mục dự án thi công và thực hiện giám sát, kiểm tra nghiệm thu cấp đơn vị mình thực hiện và chất lượng, số lượng sản phẩm giao nộp và bảo hành sản phẩm. Danh mục sản phẩm giao nộp đầy đủ (theo chế độ quy định của ngành).

Chương III
BIỂU MẪU

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật và tài chính bao gồm các nội dung sau:

Stt	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú
1	Đơn đề xuất chỉ định thầu	Mẫu số 1	
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 3	Chỉ áp dụng trong trường hợp liên danh
4	Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	Mẫu số 4	
5	Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung Điều khoản tham chiếu	Mẫu số 5	
6	Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện DVTV	Mẫu số 6	
7	Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV	Mẫu số 7	
8	Lý lịch chuyên gia tư vấn	Mẫu số 8	
9	Tiến độ thực hiện công việc	Mẫu số 9	
10	Tổng hợp chi phí	Mẫu số 10	
11	Thù lao cho chuyên gia	Mẫu số 11A	
12	Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia	Mẫu số 11B	Áp dụng trong trường hợp có yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia
13	Chi phí khác cho chuyên gia	Mẫu số 12	Áp dụng trong trường hợp có chi phí ngoài thù lao cho chuyên gia

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên bên mời thầu*]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ [*Ghi tên nhà thầu*], cam kết cung cấp dịch vụ tư vấn _____ [*Ghi phạm vi dịch vụ tư vấn*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*]⁽²⁾. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [*Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu, phù hợp với đề xuất về kỹ thuật*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ khi tham dự gói thầu này.

4. Không thay đổi nhân sự trong thời gian hồ sơ đề xuất có hiệu lực là _____ ngày [*Ghi số ngày*]⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu*]⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]⁽⁷⁾

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDX, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Trường hợp trong HSYC cho phép chào theo một số đồng tiền khác nhau thì nhà thầu cần ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền do nhà thầu chào. Giá dự thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu tổng hợp chi phí, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn đề xuất chỉ định thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và tiến độ thực hiện công việc tại Mẫu số 9 Chương này.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 9 Chương I.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này). Nếu nhà thầu được chỉ định thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

(7) Trường hợp nhà thầu nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền là chữ ký trong đơn đề xuất chỉ định thầu và các tài liệu khác trong HSDX là của người đại diện hợp pháp của nhà thầu.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chỉ định thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chỉ định thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được chỉ định thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 4 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chỉ định thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ¹

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu*]Thuộc dự án: _____ [*Ghi tên dự án*]- Căn cứ² _____ [*Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội*];- Căn cứ² _____ [*Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu*];- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ngày được ghi trên HSYC*];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn _____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án _____ [*Ghi tên dự án*].2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Trường hợp được chỉ định thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh.*¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ¹:

- [- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình chỉ định thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;
- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây:²

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- -	- % - %
2	Tên thành viên thứ 2	- -	- % - %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không được chỉ định thầu;
 - Hủy chỉ định thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án [Ghi tên dự án] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

¹ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

² Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH¹

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH²

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

¹ Đại diện hợp pháp của thành viên đứng đầu liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền

² Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng ____ [*Ghi số năm*]¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ).

Tên dự án	
Địa điểm thực hiện	
Tên chủ đầu tư	
Tên gói thầu	
Giá hợp đồng (trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện)	
Tư cách tham dự thầu (ghi rõ tham dự thầu độc lập hoặc liên danh hoặc nhà thầu phụ)	
Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong hợp đồng (nêu rõ từ ngày.... đến ngày...)	
Thời gian thực tế đã thực hiện (nêu rõ từ ngày... đến ngày..... Trường hợp chậm trễ thực hiện hợp đồng thì nêu rõ lý do)	
Tóm tắt các công việc cụ thể mà nhà thầu đã thực hiện theo hợp đồng	

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với gói thầu đơn giản thì có thể quy định ít hơn 3 năm)

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

1.

2.

3.

4.

5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

DANH SÁCH CHUYÊN GIA THAM GIA THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN

Stt	Họ và Tên	Quốc tịch	Chức danh bố trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc	Số công (người/tháng)					Tổng số công
					Hạng mục công việc 1 (1)	Hạng mục công việc 2 (2)	... ¹ (n)	Tại Công ty ²	Tại Thực địa ³	
I. Nhân sự chủ chốt của nhà thầu⁴										
1	[Ví dụ: Ông Nguyễn Văn A]	[Việt Nam]	[Tư vấn trưởng]	[Công ty]	[2.0 tháng]	[1.0 tháng]				
				[Thực địa]	[0.5 tháng]	[2.5 tháng]				
2										
...										
II. Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động										
1				[Công ty]	[2.0 tháng]	[1.0 tháng]				
				[Thực địa]	[0.5 tháng]	[2.5 tháng]				
...										
								Tổng (I + II)		
III. Nhân sự khác										
1				[Công ty]						
				[Thực địa]						
...										
								Tổng (III)		
								Tổng cộng		

¹ Liệt kê các hạng mục công việc phải thực hiện trên cơ sở phù hợp với Mẫu số 9.

² Cột này thể hiện số công của mỗi nhân sự làm việc tại công ty (bằng tổng các cột (1)+(2)+...+(n)).

³ Cột này thể hiện số công của mỗi nhân sự làm việc tại thực địa (hiện trường dự án) (bằng tổng các cột (1)+(2)+...+(n)).

⁴ Nhân sự chủ chốt có hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn ký với nhà thầu. Trường hợp sử dụng một số nhân sự chủ chốt không thuộc quản lý của nhà thầu thì kê khai theo mục II và phải nêu rõ lý do.

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Vị trí dự kiến đảm nhiệm: _____

Tên nhà thầu: _____

Họ tên chuyên gia: _____ Quốc tịch: _____

Nghề nghiệp: _____

Ngày, tháng, năm sinh: _____

Tham gia tổ chức nghề nghiệp: _____

Quá trình công tác:

Thời gian	Tên cơ quan, đơn vị công tác	Thông tin tham chiếu	Vị trí công việc đảm nhận
Từ tháng/năm đến tháng/năm	<i>(nêu tên, điện thoại, email của người được tham chiếu để kiểm chứng thông tin)</i>

Nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:

Chi tiết nhiệm vụ dự kiến được phân công trong gói thầu:	Nêu kinh nghiệm thực hiện những công việc, nhiệm vụ liên quan trước đây để chứng minh khả năng thực hiện công việc, nhiệm vụ được phân công
<i>[Nêu các hạng mục công việc cụ thể trong Mẫu 9 mà chuyên gia được phân công thực hiện]</i>	
...	

Năng lực:

[Mô tả chi tiết kinh nghiệm và các khóa đào tạo đã tham dự đáp ứng phạm vi công tác được phân công. Trong phần mô tả kinh nghiệm cần nêu rõ nhiệm vụ được phân công cụ thể trong từng dự án và tên/địa chỉ của chủ đầu tư/bên mời thầu.]

Trình độ học vấn:

[Nêu rõ các bằng cấp liên quan, tổ chức cấp bằng, thời gian học và loại bằng cấp]

Ngoại ngữ:

[Nêu rõ trình độ ngoại ngữ]

Thông tin liên hệ:

[Nêu rõ tên, số điện thoại, e-mail của người cần liên hệ để đối chiếu thông tin]

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 7 phải kê khai Mẫu này.
- Nhà thầu gửi kèm theo bản sao hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

STT	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng thứ ⁽²⁾							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	<i>[Ví dụ: Công việc 1:</i>								
	<i>1) Thu thập dữ liệu</i>								
	<i>2) Soạn thảo báo cáo</i>								
	<i>3) Báo cáo sơ bộ</i>								
	<i>4) Tổng hợp ý kiến</i>								
	<i>5) ...</i>								
	<i>6) Báo cáo cuối cùng]</i>								
2	<i>[Ví dụ: Công việc 2:...]</i>								
...									
n									

Ghi chú:

(1) Liệt kê tất cả các hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.

(2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

TỔNG HỢP CHI PHÍ

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền
A	CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN: (I+II)			
I	Chi phí trực tiếp			
II	Chi phí quản lý chung: 15% x I			
B	THUẾ: VAT 10% x A			
C	TỔNG CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN: A + B			

Hạng mục	Chi phí	
	<i>(Nội tệ)</i>	<i>(Ngoại tệ)¹</i>
Thù lao cho chuyên gia (trong nước/nước ngoài)		
Chi phí khác (ngoài thù lao)		
Thuế các loại		
Tổng chi phí		

¹ Trường hợp chỉ định thầu nhà thầu trong nước thì bỏ cột "Ngoại tệ".

THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

Đồng tiền sử dụng:

STT	Họ và tên	Chức danh bố trí trong gói thầu	Địa điểm làm việc	Thù lao/tháng-người (1)	Số tháng-người (2)	Thù lao cho chuyên gia = (1) x (2)	Tổng ¹
I	Nhân sự chủ chốt						
1			<i>[Công ty]</i>				
			<i>[Thực địa]</i>				
2							
II	Nhân sự khác						
1			<i>[Công ty]</i>				
			<i>[Thực địa]</i>				
2							
Tổng cộng							

¹ Bảng tổng thù lao cho chuyên gia ở hai địa điểm làm việc: công ty và thực địa.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

Đồng tiền sử dụng:

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Lương cơ bản ¹	Chi phí xã hội ² % của (3)	Chi phí quản lý chung ¹⁵ % của (3)	Cộng =(3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Chi phí trả cho chuyên gia/tháng =(6)+(7)+(8)	Số tháng-người	Thù lao cho chuyên gia =(9)x(10)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1											
2											
...											
Tổng chi phí											

Ghi chú. Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì bỏ Mẫu này.

¹ Trường hợp sử dụng chuyên gia trong nước, mức lương được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

² Chi phí xã hội, chi phí quản lý chung bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành; chi phí quản lý của đơn vị quản lý, sử dụng chuyên gia... Nhà thầu liệt kê các chi phí này kèm theo các tài liệu chứng minh.

Mẫu số 12**CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA**

TT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/ đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí = (1) x (2)	
					<i>(Nội tệ)</i>	<i>(Ngoại tệ)¹</i>
	<i>[Công tác phí]</i>	<i>[Ngày]</i>				
	<i>[Chuyến bay quốc tế]</i>	<i>[Chuyến]</i>				
	<i>[Chi phí liên lạc]</i>					
	<i>[Thiết bị, tài liệu...]</i>					
	<i>[Chi phí đi lại trong nước]</i>					
	<i>[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]</i>					
	<i>[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]</i>					
Tổng chi phí						

¹ Trường hợp chỉ định thầu trong nước thì bỏ cột “Ngoại tệ”.

Phần thứ hai

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu:

- Tên Dự án: “Đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh”.
- Bên mời thầu: Sở Công Thương tỉnh Tây Ninh.
- Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sự nghiệp môi trường.

II. Phạm vi công việc:

1. Mục tiêu thực hiện:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Đánh giá được tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm:

- Nguồn năng lượng sinh khối (sinh khối rắn, nhiên liệu sinh học lỏng, khí sinh học) (TOE);
- Nguồn năng lượng mặt trời (KWh);
- Nguồn thủy điện (bao gồm thủy điện vừa và nhỏ) (MW);
- Nguồn điện gió (KWh).

1.2. Mục tiêu cụ thể của dự án:

Đánh giá hiện trạng các nguồn năng lượng tái tạo năm 2018-2019, dự báo tiềm năng và xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh phê duyệt. Các nội dung cụ thể như sau:

- Đánh giá được hiện trạng các nguồn năng lượng sinh khối trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, dự báo tiềm năng và xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng nguồn năng lượng sinh khối trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tính theo TOE, kWh):

- + Tiềm năng sử dụng phế thải của các cây công nghiệp, nông nghiệp cho mục đích năng lượng;
- + Tiềm năng xử lý chất thải chăn nuôi cho mục đích năng lượng (khí sinh học Biogas,..);
- + Tiềm năng xử lý chất thải rắn đô thị cho mục đích năng lượng;
- + Tiềm năng sử dụng sinh khối cho sản xuất nhiên liệu sinh học (Ví dụ: cồn sinh học,...).

- Đánh giá hiện trạng các nguồn điện mặt trời năm 2018-2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, dự báo tiềm năng và xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng nguồn điện mặt trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Tiềm năng phát triển điện mặt trời để cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia (tính theo KWh);

+ Tiềm năng phát triển các thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp nhiệt cho các hộ gia đình; sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ (tính theo TOE).

- Đánh giá được hiện trạng các nguồn thủy điện (bao gồm thủy điện vừa và nhỏ) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, dự báo tiềm năng và xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng nguồn năng lượng thủy điện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy hoạch của Chính phủ và của tỉnh (tính theo điện năng (kWh), công suất điện (MW)).

- Đánh giá hiện trạng các nguồn điện gió trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, dự báo tiềm năng và xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng nguồn điện gió trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tính theo KWh).

2. Nội dung cụ thể cần thực hiện:

Gói thầu Đánh giá tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh gồm các nội dung:

- Nội dung 1: Phân tích đánh giá về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và kinh tế xã hội có liên quan đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại tỉnh Tây Ninh.

- Nội dung 2. Đánh giá hiện trạng (2018-2019) và tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh.

- Nội dung 3. Dự báo tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nội dung 4. Xây dựng Kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nội dung 5. Xây dựng báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt của dự án.

Khối lượng công việc cần thực hiện được thể hiện trong bảng sau:

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Số lượng
A	CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN: (I+II)		
I	Chi phí trực tiếp		
1	<i>Nội dung 1: Phân tích đánh giá về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và kinh tế xã hội có liên quan đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại tỉnh Tây Ninh</i>		
1.1	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có sẵn về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, môi trường và kinh tế xã hội có liên quan đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo		
<i>a</i>	<i>Chi phí trả đơn vị/người cung cấp thông tin: Các Sở</i>	<i>Phiếu</i>	<i>32</i>

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Số lượng
	<i>ban ngành, huyện, thành phố (32 đơn vị)</i>		
<i>b</i>	<i>Chi phí nhân công thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có sẵn: 04 người (2 nhóm) x 08 ngày (02 đơn vị/ngày)</i>	<i>Công</i>	<i>32</i>
<i>c</i>	<i>Chi phí lưu trú: 04 người x 08 ngày</i>	<i>Ngày</i>	<i>32</i>
<i>d</i>	<i>Chi phí thuê phòng nghỉ: 04 người x 08 ngày</i>	<i>Ngày</i>	<i>0</i>
<i>e</i>	<i>Chi phí vận chuyển phục vụ thu thập thông tin, tài liệu, số liệu: 1 chuyến cho 8 ngày</i>	<i>Ngày</i>	<i>8</i>
1.2	Xử lý số liệu và viết các báo cáo thành phần		
<i>a</i>	Báo cáo 1: Phân tích đánh giá điều kiện khí tượng, thủy văn và biến đổi khí hậu có liên quan đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại tỉnh Tây Ninh	<i>Công</i>	<i>22</i>
<i>b</i>	Báo cáo 2: Phân tích đánh giá điều kiện kinh tế xã hội có liên quan đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại tỉnh Tây Ninh	<i>Công</i>	<i>22</i>
<i>c</i>	Báo cáo 3: Phân tích đánh giá điều kiện tài nguyên, môi trường có liên quan đến tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tại tỉnh Tây Ninh	<i>Công</i>	<i>22</i>
2	Nội dung 2: Đánh giá hiện trạng (2018-2019) và tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh		
2.1	Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn năng lượng sinh khối trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		
2.2.1	Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có sẵn về hiện trạng sinh khối (tích hợp thu thập về hiện trạng sử dụng các nguồn năng lượng khác)		
<i>a</i>	<i>Chi phí trả đơn vị/người cung cấp thông tin: Các hộ gia đình ở độ thị và nông thôn</i>	<i>Phiếu</i>	<i>100</i>
<i>b</i>	<i>Chi phí nhân công thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có sẵn: 04 người (2 nhóm) x 10 ngày (5 hộ gia đình/ngày)</i>	<i>Công</i>	<i>40</i>
<i>c</i>	<i>Chi phí thuê phòng nghỉ: 04 người x 10 ngày</i>	<i>Người</i>	<i>40</i>
<i>d</i>	<i>Chi phí lưu trú: 04 người x 10 ngày</i>	<i>Ngày</i>	<i>0</i>
<i>e</i>	<i>Chi phí vận chuyển phục vụ thu thập thông tin, tài liệu, số liệu: 1 chuyến cho 10 ngày</i>	<i>Ngày</i>	<i>10</i>
2.2.2	Xử lý số liệu và viết các báo cáo thành phần		
<i>a</i>	Báo cáo 4: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng sử dụng phế thải của các cây công nghiệp, nông nghiệp cho mục đích năng lượng	<i>Công</i>	<i>25</i>
<i>b</i>	Báo cáo 5: Đánh giá hiện và tiềm năng xử lý chất thải chăn nuôi cho mục đích năng lượng (khí sinh	<i>Công</i>	<i>25</i>

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Số lượng
	<i>học Biogas,...)</i>		
c	Báo cáo 6: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng xử lý chất thải rắn đô thị cho mục đích năng lượng.	Công	25
d	Báo cáo 7: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng sử dụng sinh khối cho sản xuất nhiên liệu sinh học (Ví dụ: cò sinh học,...)	Công	25
2.2	Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn năng lượng mặt trời, thủy điện, gió trên địa bàn tỉnh Tây Ninh		
2.2.1	Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có sẵn về hiện trạng sử dụng nguồn năng lượng mặt trời, gió, thủy điện		
a	Chi phí trả đơn vị/người cung cấp thông tin: Các nhà máy, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng nguồn năng lượng mặt trời, thủy điện, gió	Phiếu	60
b	Chi phí nhân công thu thập thông tin, tài liệu, số liệu có sẵn: 04 người (2 nhóm) x 15 ngày (2 đơn vị/ngày)	Công	60
c	Chi phí thuê phòng nghỉ: 04 người x 15 ngày	Người	60
d	Chi phí lưu trú: 04 người x 15 ngày	Ngày	0
e	Chi phí vận chuyển phục vụ thu thập thông tin, tài liệu, số liệu: 1 chuyến cho 15 ngày	Ngày	15
2.2.2	Xử lý số liệu và viết các báo cáo thành phần		
a	Báo cáo 8: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Công	22
b	Báo cáo 9: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn năng lượng thủy điện (bao gồm thủy điện vừa và nhỏ) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh theo quy hoạch của Chính phủ và Tỉnh	Công	22
c	Báo cáo 10: Đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển nguồn điện gió trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Công	22
3	Nội dung 3: Dự báo tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050.		
3.1	Dự báo tiềm năng phát triển nguồn năng lượng sinh khối trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050.		
a	Viết báo cáo 11: Dự báo tiềm năng sử dụng phế thải của các cây công nghiệp, nông nghiệp cho mục đích năng lượng	Công	25

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Số lượng
b	<i>Viết báo cáo 12: Dự báo tiềm năng xử lý chất thải chôn nuôi cho mục đích năng lượng (Khí sinh học Biogas,...)</i>	Công	25
c	<i>Viết báo cáo 13: Dự báo tiềm năng xử lý chất thải rắn đô thị cho mục đích năng lượng.</i>	Công	25
d	<i>Viết báo cáo 14: Dự báo tiềm năng sử dụng sinh khối cho sản xuất nhiên liệu sinh học (Ví dụ: cồn sinh học,...)</i>	Công	25
3.2	<i>Viết báo cáo 15: Dự báo tiềm năng phát triển nguồn năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050</i>	Công	25
3.3	<i>Viết báo cáo 16: Dự báo tiềm năng phát triển thủy điện (bao gồm thủy điện vừa và nhỏ) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050</i>	Công	25
3.4	<i>Viết báo cáo 17: Dự báo tiềm năng phát triển nguồn điện gió trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050</i>	Công	25
4	<i>Nội dung 4: Xây dựng Kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050</i>		
4.1	<i>Viết báo cáo 18: Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn năng lượng sinh khối trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.</i>	Công KS Nội nghiệp 4	15
4.2	<i>Viết báo cáo 19: Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn năng lượng mặt trời trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050</i>	Công KS Nội nghiệp 4	15
4.3	<i>Viết báo cáo 20: Xây dựng kế hoạch phát triển thủy điện (bao gồm thủy điện vừa và nhỏ) trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050</i>	Công KS Nội nghiệp 4	15
4.4	<i>Viết báo cáo 21: Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn điện gió trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, 2050</i>	Công KS Nội nghiệp 4	15
5	<i>Nội dung 5: Xây dựng báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt của dự án</i>	Báo cáo	1
6	<i>Văn phòng phẩm cho toàn dự án</i>	LS	1
7	<i>Thuê xe phục vụ hội thảo, bảo vệ, nghiệm thu, chỉnh sửa báo cáo tổng hợp</i>	Chuyến	4
II	Chi phí quản lý chung : 15% x I		
B	THUẾ: VAT 10% x A		
C	TỔNG CHI PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN: A + B		

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt dự án (10 bộ).

- Kế hoạch phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (01 bộ).

- Tập các báo cáo chuyên đề (21 báo cáo) (03 bộ).

- Đĩa CD (03 bộ).

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

1. Kinh nghiệm nhà thầu

- Có trên 15 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực tư vấn liên quan đến quy hoạch, điều tra, đánh giá các vấn đề về thuộc một trong các ngành môi trường, năng lượng, quy hoạch;
- Có ít nhất 03 hợp đồng trong đó có việc thực hiện công việc điều tra, đánh giá quy mô cấp tỉnh, cấp vùng;
- Có ít nhất 02 hợp đồng đã thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Nhân sự tham gia gói thầu

Nhà thầu phải đảm bảo nhân sự tham gia thực hiện gói thầu như sau:

STT	Vị trí công việc	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Trình độ chuyên môn
1	Tư vấn trưởng, chủ nhiệm dự án quản lý tại hiện trường và quản lý chung: 01 người	Tối thiểu 05 năm	Tối thiểu 05 năm	Tiến sỹ thuộc một trong các lĩnh vực môi trường, hóa học, năng lượng
2	Quản lý kỹ thuật, tổ trưởng thực hiện dự án: 02 người	Tối thiểu 05 năm	Tối thiểu 05 năm	Sau đại học thuộc một trong các lĩnh vực môi trường, hóa học, năng lượng
3	Cán bộ quản lý, hành chính kế toán, thống kê 01 người	Tối thiểu 03 năm	Tối thiểu 03 năm	Đại học thuộc một trong các lĩnh vực Tài chính, kế toán
4	Cán bộ trực tiếp thực hiện các bước, hạng mục dự án 10 người (bao gồm tổ trưởng)	Tối thiểu 02 năm	Tối thiểu 02 năm	Đại học thuộc một trong các lĩnh vực môi trường, hóa học, năng lượng

Phần thứ ba
YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG
Chương IV
ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Giải thích từ ngữ	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các Nhà thầu phụ do Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc Nhà thầu thực hiện các phần công việc mà Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;</p> <p>1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại ĐKCT.</p>
-----------------------------	--

2. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
3. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>3.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại ĐKCT. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>3.2. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của chủ đầu tư, nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với chủ đầu tư cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.</p>
4. Ủy quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư
5. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT .
6. Thanh toán	<p>6.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>6.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
7. Giá hợp đồng	<p>7.1. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>7.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng</p>

	là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại ĐKCT.
9. Điều chỉnh hợp đồng	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
10. Nhân sự	<p>10.1. Nhà thầu phải huy động tất cả các chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong HSDX trừ trường hợp chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 10 của Chương I thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải được thay thế ngay và có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất.</p> <p>10.2. Trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế chuyên gia đó. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.</p>
11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	<p>11.1. Quyền của nhà thầu:</p> <p>a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn;</p>

	<p>b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng;</p> <p>c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả);</p> <p>d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định.</p> <p>11.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <p>a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình;</p> <p>b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;</p> <p>c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có);</p> <p>d) Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;</p> <p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.</p>
<p>12. Nhà thầu phụ</p>	<p>12.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp</p>

	<p>thuận.</p> <p>12.2. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>12.3. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
13. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 14 ĐKC.</p>
14. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	<p>14.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định trong ĐKCT.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p> <p>14.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Khoản 1 Điều này, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
15. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư	<p>Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định trong ĐKCT.</p>
16. Bất khả	<p>16.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những</p>

<p>kháng</p>	<p>sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>16.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>16.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 17 ĐKC.</p>
<p>17. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>17.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.</p> <p>17.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian quy định trong ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong ĐKCT.</p>
<p>18. Thông báo</p>	<p>18.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>18.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong</p>

	thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
--	--

Chương V
ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều	Khoản	Nội dung
1	3	Chủ đầu tư: Sở Công Thương Tây Ninh
	4	Nhà thầu: _____ [<i>Ghi tên nhà thầu được chỉ định thầu</i>]
	6	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
2	2	Ngôn ngữ của hợp đồng: Tiếng Việt
3	1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: thỏa thuận giữa 2 bên
5		Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
6	1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lần 1: Sau thời gian thực hiện, Bên A sẽ thanh toán theo tiến độ, khối lượng công việc hoàn thành khi có yêu cầu của bên B. - Lần 2: Bên A sẽ thanh toán cho bên B toàn bộ giá trị thực hiện theo thanh lý hợp đồng sau khi Dự án nghiệm thu, bàn giao xong sản phẩm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hoàn thành.
8		Thời gian thực hiện hợp đồng: 05 tháng
9	1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 03 ngày
	2	Điều chỉnh hợp đồng: không
10	2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày
12	1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong HSDX</i>]
	2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 20%
	4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ : không
13	1	Mức khấu trừ: không
	2	Mức đền bù: không
14	1	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p><i>Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong HSYC hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương</i></p>
15		<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư: _____</p> <p><i>[Ghi cụ thể những nội dung mà khi chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]</i></p>

17	2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: nếu có tranh chấp xảy ra hai bên không tiến hành hoà giải được thì gửi hồ sơ lên toà án kinh tế tỉnh Tây Ninh giải quyết, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp xử lý theo luật định của Toà án.</p>
18	1	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư: Sở Công Thương Tây Ninh Điện thoại: 02763.814885 Fax: 02763.820726 E-mail: soct@tayninh.gov.vn - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____

Chương VI

MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

Mẫu số 13

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ¹⁷ _____ [Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

- Căn cứ¹ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả chỉ định thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được chủ đầu tư và nhà thầu được chỉ định thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên chủ đầu tư _____ [Ghi tên chủ đầu tư]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

¹⁷ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu

Tên nhà thầu _____ [Ghi tên nhà thầu được chỉ định thầu]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau :

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A “Điều khoản tham chiếu”.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;
3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;
6. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu được lựa chọn;
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, bổ sung hồ sơ yêu cầu;
8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Nộp báo cáo cho chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C “Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu”;
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **ĐKC** và **ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong **ĐKC** và **ĐKCT** của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng. Trường hợp giá hợp đồng được ký bằng hai hoặc ba đồng tiền khác nhau thì ghi rõ giá trị bằng số và bằng chữ của từng đồng tiền đó, ví dụ: 5 triệu USD + 10 tỷ VND (năm triệu đôla Mỹ và mười tỷ đồng Việt Nam)*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.

_____ [*Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền*] khi chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.

Tổng số tiền thanh toán _____ [*Ghi giá trị và đồng tiền*]

[*Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C*].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Điều 6 **ĐKCT**

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

[*Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp Mục 1 Chương 1 và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 1 ĐKCT*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Đại diện hợp pháp của chủ đầu tư

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu